TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày 31-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

Tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Ó, bà Lê Thị Bống *(giáo viên đã nghỉ hưu)*.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu Nhà tạm giữ Công an huyện Phù Yên:

- Người tiến hành tố tụng:

Kiểm sát viên: Bà Nguyễn Thị Hân.

- Người tham gia tố tụng khác:

Cán bộ, chiến sỹ thuộc cơ sở giam giữ: Ông Đinh Văn Uyên và ông Hoàng Văn Đông.

Ngày 31/01/2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Phù Yên và điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện Phù Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 05/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST- HS ngày 15/01/2024 đối với bị cáo:

Lường Văn N, sinh ngày 12/02/1969 tại huyện P, tỉnh Sơn La; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Bản T, xã G, huyện P, tỉnh Sơn La; số định danh cá nhân: 014069xxxxxx; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 04/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn O *(đã chết)* và bà Hà Thị P; không có vợ và có 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 09/02/1987, bị Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La ra quyết định đưa đi tập trung cải tạo tại Trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an về hành vi Trộm cắp và Cờ bạc theo Quyết định số 52/QĐ; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2023 cho đến nay; có mặt tại điểm cầu thành phần.

Tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện P:

- *Bị hại*: Cháu Đinh Thị Thanh L, sinh ngày 23/3/2011; nơi cư trú: Bản T, xã G, huyện P, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Chị Đinh Thị N1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Bản T, xã G, huyện P, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Quàng Văn T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tiểu khu x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La; vắng mặt .

2. Chị Lường Thị X, sinh năm 1999; nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện P, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Vì Văn Tr, sinh năm 1986; nơi cư trú: Bản B, xã P, huyện Ph, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 06/11/2023, Lường Văn N đi bộ một mình ra khu vực cánh đồng bản T, xã G, huyện P, tỉnh Sơn La. Khi đi qua nhà cháu Đinh Thị Thanh L thì thấy 01 chiếc xe đạp điện màu xanh đen nhãn hiệu AIMIA đang dựng ở sân. N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau khi quan sát thấy cửa nhà cháu L mở và xung quanh không có người nên N đi thẳng vào trong nhà để tìm chìa khoá xe đạp điện. Khi vào trong nhà, N nhìn thấy chìa khoá trên nóc tủ gỗ. N cầm lấy rồi điều khiển xe đi vào thị trấn P tìm chỗ bán. Do còn sớm nên N ngồi chơi ở Công viên 02/9. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, N đi đến quán mua bán xe cũ của anh Quàng Văn T để gạ bán chiếc xe đạp điện với giá 4.000.000 đồng. Tuy nhiên anh T không mua vì cho rằng bán giá cao so với thị trường. Để tránh bị nghi ngờ là xe trộm cắp, N đã gọi điện cho cháu ruột là Vì Văn Tr với nội dung "*tý nữa có người gọi điện hỏi có phải xe của cháu bán cho cậu không thì bảo đúng rồi nhé*", Tr đáp "*Vâng*". N tiếp tục ngồi uống nước ở quán sửa xe anh T đến khoảng 09 giờ thì N bảo với anh T là xe này N mua lại của đứa cháu tên Tr, nếu không tin thì T gọi điện thoại cho Tr để xác nhận, đồng thời N đưa số điện thoại 0377.769.957 cho T. T gọi điện thoại cho Tr và được xác nhận là xe của Tr bán cho N. Sau khi xác minh xong, T mua chiếc xe với giá 3.700.000 đồng. Bán xe xong, N đi bộ về và chi tiêu hết 95.000. Còn lại 3.605.000 N cất giữ trong người.

Ngày 07/11/2023, Công an xã G đã thu giữ 3.605.000 đồng của Lường Văn N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên đã thu giữ chiếc xe đạp điện tại quán anh Quàng Văn T. Ngày 21/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe đạp điện cho cháu L. Ngày 01/01/2024 chị Lường Thị X là con gái của N đã tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền 3.700.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số: 27/KLĐGTS-HĐĐGTS ngày 09/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phù Yên kết luận: *"01 chiếc xe đạp*

điện màu xanh đen, nhãn hiệu AIMIA số động cơ 48V350WWCXL20230 680627, sản xuất năm 2023, đã qua sử dụng có giá trị đến thời điểm định giá 6.600.000 đồng”. Kết luận giám định số: 2563/KL-KTHS, ngày 24/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật. Hoàn lại toàn bộ đối tượng gửi giám định*”.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện. Cháu L và chị N1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào khác và đề nghị Toà án xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật, anh Quàng Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Cáo trạng số: 82/CT-VKS ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, truy tố bị cáo Lường Văn N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lường Thị X đề nghị Tòa án trả lại chị số tiền 3.605.000 đồng thu giữ của bị cáo vì chị đã thay bị cáo bồi thường cho anh Quàng Văn T, không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 95.000 đồng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lường Văn N từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại và người có quyền lợi liên quan anh Quàng Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Ghi nhận chị Lường Thị X đã bồi thường cho anh Quàng Văn T số tiền 3.700.000 đồng. Trả lại chị X 3.605.000 đồng và ghi nhận việc chị X không yêu cầu bị cáo hoàn trả 95.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên đã trả lại cho cháu Đinh Thị Thanh L 01 chiếc xe đạp điện màu xanh đen, nhãn hiệu AIMIA; trả cho chị Lường Thị X 3.605.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi liên quan chị Lường Thị X nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người làm chứng anh Vì Văn Tr vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy việc bồi thường với bị hại và anh Quàng Văn T đã

thực hiện xong, sự vắng mặt của bị hại, anh T và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe đạp điện trị giá 6.600.000 đồng của cháu Đinh Thị Thanh L để có tiền chi tiêu. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện. Lời khai của bị cáo thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, phù hợp với đơn trình báo, đơn đề nghị, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người chứng kiến và người làm chứng, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo đã nhờ người thân bồi thường toàn bộ thiệt hại. Ngày 09/02/1987, bị cáo bị đưa đi giáo dục cải tạo theo quy định tại Nghị quyết số 49-NQ/TVQH ngày 20/6/1961 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tập trung giáo dục cải tạo có thời hạn đối với các phần tử phản cách mạng ngoan cố và lưu manh chuyên nghiệp. Đây là tình tiết về nhân thân của bị cáo nhưng bị cáo chưa bị xét xử nên có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Tuy nhiên, xét thấy sau khi đi cải tạo trở về địa phương năm 1988, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân; bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; có nơi cư trú rõ ràng; có 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách L bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Thời gian giam giữ đối với bị cáo *(từ ngày 09/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm)* sẽ được khấu trừ khi bị

cáo bị áp dụng hình phạt tù. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được trả lại tài sản. Chị Lường Thị X đã bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Quàng Văn T số tiền 3.700.000 đồng. Bị hại và anh T tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên cần ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại là phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự. Chị Lường Thị X yêu cầu được trả lại cho chị số tiền 3.605.000 đồng thu giữ của bị cáo, đối với số tiền còn thiếu là 95.000 đồng chị X không yêu cầu bị cáo hoàn trả. Xét thấy số tiền 3.605.000 đồng là tiền bị cáo bán tài sản trộm cắp, số tiền này phải được trả lại cho người mua tài sản là anh Quàng Văn T nhưng chị X đã trả thay cho bị cáo nên yêu cầu nêu trên của chị X là có căn cứ. Việc chị X không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả 95.000 đồng còn thiếu là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[8] Đối với Vì Văn Tr là người được bị cáo nhờ đưa thông tin không đúng sự thật để bị cáo bán tài sản trộm cắp cho anh T, xét thấy việc đưa ra thông tin sai của Tr là do bị cáo dặn nhờ, Tr không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản và không được hưởng lợi nên không có dấu hiệu tội phạm.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lường Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo Lường Văn N 12 *(mười hai)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 *(hai mươi tư)* tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm *(ngày 31/01/2024)*. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Ghi nhận việc bị hại cháu Đinh Thị Thanh L đã nhận lại tài sản là chiếc xe đạp điện màu xanh đen, nhãn hiệu AIMIA và không yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường về dân sự.

- Ghi nhận việc chị Lường Thị X đã bồi thường cho anh Quàng Văn T 3.700.000 đồng *(ba triệu bẩy trăm nghìn đồng)*, anh Quàng Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, chị Lường Thị X không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 95.000 đồng *(chín mươi lăm nghìn đồng).*

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Ghi nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên đã trả lại cho cháu Đinh Thị Thanh L chiếc xe đạp điện màu xanh đen, nhãn hiệu AIMIA *(theo Quyết định xử lý vật chứng số: 29/QĐ-CQCSĐT ngày 21/11/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên)*.

- Trả cho chị Lường Thị X số tiền 3.605.000 *(Ba triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng)*.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lường Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Công an huyện Phù Yên;
- CQ hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có QLNVLQ;
- UBND xã G;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Nam